TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-6-2026
Về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Thu Lan
Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Đinh Phú Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Giàng Thị H, sinh năm 1981;

Căn cước công dân số: 010181006479, cấp ngày 08-7-2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai; có mặt.

+ Bị đơn: Anh Cư A P, sinh năm 1975

Căn cước: 010075002479, cấp ngày 25-06-2021, nơi cấp do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 03 năm 2026 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Giàng Thị H trình bày:

Chị và anh Cư A P được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị và anh Cư A P chung sống cùng nhau tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình

cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Cư A P.

Về con chung: Có 03 người con Cư A D (Cư A D1), sinh năm 2001, Cư Thị S, sinh năm 2004; Cư Văn L, sinh ngày 20/10/2010. Cháu D (D1) và cháu S đã thành niên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H nhất trí để anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Cư Văn L, sinh năm 2010 và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Giàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Cư A P trình bày:

Anh và chị Giàng Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2000 tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai. Anh và chị H có được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm, anh P và chị H đã sống ly thân mỗi người một nơi. Đến nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Giàng Thị H.

Về con chung: Anh và chị Giàng Thị H có 03 người con chung là Cư A D (Cư A D1), sinh năm 2001; Cư Thị S, sinh năm 2004; Cư Văn L, sinh ngày 20/10/2010. Cháu D (D1) và cháu S đã thành niên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Cư Văn L và anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cư A P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 24 tháng 4 năm 2026, Tòa án có tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lào Cai nội dung xác minh thể hiện: Qua rà soát hồ sơ lưu trữ; tra cứu trên dữ liệu hộ tịch và sổ đăng ký kết hôn thì không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa chị Giàng Thị H và anh Cư A P từ thời điểm năm 2000 đến nay.

Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án Tòa án có xác minh tại thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai. Trưởng thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai cho biết: Chị Giàng Thị H và anh Cư A P đều cư trú tại thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai, qua nắm bắt thông tin tại nơi cư trú thì chị Giàng Thị H và anh Cư A P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, đến nay chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Chị H và anh P có 03 người con chung Cư A D (Cư

A D1), sinh năm 2001; Cư Thị S, sinh năm 2004; Cư Văn L, sinh ngày 20/10/2010. Cháu D (D1) và cháu S đã thành niên. Đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con giữa chị H và anh P theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị H và anh P có hay không thì tôi không rõ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị H và anh Cư A P; Về con chung: Giao anh Cư A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cư Văn L, sinh ngày 20/10/2010, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án chị Giàng Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Giàng Thị H có đơn khởi kiện về việc Ly hôn (không công nhận vợ chồng) với anh Cư A P cư trú tại: Thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai và Tòa án nhân dân khu vực 3-Lào Cai giải quyết việc hôn nhân của chị Giàng Thị H và anh Cư A P. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị H và anh Cư A P về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi chị Giàng Thị H và anh Cư A P sinh sống xác nhận anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn

nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Chị Giàng Thị H và anh Cư A P chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Giàng Thị H và anh Cư A P là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Giàng Thị H, xử không công nhận chị Giàng Thị H và anh Cư A P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Giàng Thị H và anh Cư A P có ba người con chung là Cư A D (Cư A D1), sinh năm 2001; Cư Thị S, sinh năm 2004; Cư Văn L, sinh ngày 20/10/2010. Cháu D (D1) và cháu S đã thành niên chị H và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với cháu Cư Văn L, chị H và anh P thỏa thuận giao anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận về việc nuôi con của chị H và anh P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thoả thuận này của chị Giàng Thị H và anh Cư A P.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Giàng Thị H và anh Cư A P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Giàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 28, khoản 4 Điều 147, 235, 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị H và anh Cư A P.

2. Về con chung: Chị Giàng Thị H và anh Cư A P có 03 người con chung Cư A D (Cư A D1), sinh năm 2001; Cư Thị S, sinh năm 2004; Cư Văn L, sinh ngày 20/10/2010. Cháu D (D1) và cháu S đã thành niên.

Công nhận sự thỏa thuận của chị Giàng Thị H và anh Cư A P giao anh Cư A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Cư Văn L đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Giàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Giàng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Giàng Thị H và anh Cư A P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Giàng Thị H đã nộp theo biên lai số 0000999 ngày 20 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Giàng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Giàng Thị H, anh Cư A P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát khu vực 3- Lào Cai;
- Phòng Thi hành án khu vực 3- Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương